

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tỷ lệ thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt năm 2008 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 6 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá VII, nhiệm kỳ 2004- 2009, kỳ họp thứ 10 về việc quy định thu một số loại phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp phí là các hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở kinh doanh ngành sản xuất vật chất, cơ sở kinh doanh ngành dịch vụ sử dụng nước sạch qua hệ thống nước máy.

Điều 2. Quy định tỷ lệ và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt năm 2008 như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) trên đơn giá tiêu thụ nước máy đối với từng đối tượng:

Số TT	Nội dung thu phí	Tỷ lệ (%)
1	Hộ gia đình	13%
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	12%
3	Cơ sở kinh doanh ngành sản xuất vật chất	12%
4	Cơ sở kinh doanh ngành dịch vụ	12%

2. Mức thu: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hàng tháng được xác định trên tỷ lệ % trên đơn giá tiêu thụ nước máy (đơn giá tiêu thụ nước máy thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng) và được xác định theo công thức: $F = G \times V \times T$ (đồng/tháng).

Trong đó:

F: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (đồng/tháng)

G: Đơn giá nước máy (đồng/m³)

V: Khối lượng nước máy tiêu thụ trong tháng (m³)

T: Tỷ lệ % trên đơn giá tiêu thụ nước máy áp dụng cho từng đối tượng theo quy định tại khoản 1- Điều 2 của Quyết định này

Điều 3. Cơ quan thu phí bao gồm các đơn vị cung cấp nước sạch qua hệ thống nước máy trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan thu phí:

1. Thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng và báo cáo quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

2. Tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định tại Điều 2 cùng với thời điểm thu tiền sử dụng nước máy hàng tháng của khách hàng trên cơ sở tính theo số mét khối (m³) nước máy tiêu thụ ghi trên Hoá đơn tiền nước.

3. Đăng ký với Cục Thuế thành phố Đà Nẵng để thực hiện kết hợp nội dung thu tiền cấp nước và nội dung thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên cùng một Hoá đơn tiền nước.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền thu phí:

1. Căn cứ vào kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hàng tháng, cơ quan thu phí được trích để lại 10% trên tổng số thu để chi phí phục vụ công tác thu, số còn lại (90%) lập thủ tục chuyển vào tài khoản chuyên thu tại Kho bạc nhà nước Đà Nẵng do Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

2. Nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (sau khi trừ đi phần được trích để lại cho cơ quan thu phí) được sử dụng để chi cho công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và thông hút các bể phốt theo định kỳ thuộc dự án thoát nước vệ sinh thành phố.

3. Cục Thuế thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc thực hiện thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đảm bảo đúng, đủ và kịp thời.

4. Sở Giao thông Công chính chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn đôn đốc kiểm tra thực hiện, tổ chức tuyên truyền giải thích Quyết định này đến nhân dân và các tổ chức có sử dụng nước máy.

Điều 6: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 07/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông Công chính; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương